

QUY TẮC BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(BẢO MINH – TRÁCH NHIỆM NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1579/2004-BM/BHCN ngày 12/11/2004
Của Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Bảo Minh)*

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

Trên cơ sở Người được bảo hiểm:

- Thực hiện sản xuất, kinh doanh theo đúng ngành nghề như được mô tả trong Phụ lục hợp đồng bảo hiểm,
- Đã gửi cho Công ty bảo hiểm Giấy yêu cầu bảo hiểm, là cơ sở của hợp đồng bảo hiểm và
- Đã trả hoặc đồng ý trả cho Công ty bảo hiểm số phí bảo hiểm ghi trong bản Phụ lục hợp đồng bảo hiểm,

Công ty bảo hiểm thỏa thuận rằng, căn cứ theo những nội dung, loại trừ, điều kiện và cam kết được quy định trong Quy tắc bảo hiểm này, nếu trong thời hạn bảo hiểm, bất kỳ Người lao động nào có tên trong Danh sách người lao động và đã có giao kết Hợp đồng lao động, bị chết, thương tật do tai nạn hay bị bệnh nghề nghiệp trong khi làm việc cho Người được bảo hiểm, thì Công ty bảo hiểm bồi thường cho Người được bảo hiểm số tiền mà Người được bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường theo Luật lao động Việt Nam (01/01/1995). Ngoài ra, Công ty bảo hiểm cũng chịu trách nhiệm hoàn trả các chi phí và phí tổn mà Người được bảo hiểm đã thực hiện sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty bảo hiểm nhằm bào chữa hoặc chống lại một khiếu nại đòi bồi thường về trách nhiệm theo Luật Lao Động Việt Nam.

Trong mọi trường hợp, trách nhiệm của Công ty bảo hiểm không vượt quá Số tiền bảo hiểm cho từng mục cũng như cho toàn thể được ghi trong Phụ lục hợp đồng bảo hiểm kèm theo.

Trong trường hợp có sự thay đổi hoặc sửa đổi về luật pháp, Công ty bảo hiểm có thể hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm (theo điều 9 Chương V trong Quy tắc bảo hiểm này) hoặc vẫn duy trì hiệu lực bảo hiểm và sẽ điều chỉnh phí tương ứng.

Hợp đồng bảo hiểm được chi phối và điều chỉnh bởi Luật pháp Việt nam.

Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo hiểm sẽ được giải quyết bằng thương lượng. Nếu thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án nơi đặt trụ sở của Công ty bảo hiểm.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Hợp đồng bảo hiểm Hợp đồng Bảo hiểm bao gồm Giấy chứng nhận bảo hiểm, Phụ lục hợp đồng bảo hiểm, Giấy yêu cầu bảo hiểm, Danh sách người lao động được Công ty bảo hiểm chấp nhận bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm, Giấy sửa đổi bổ sung (nếu có). Những tài liệu trên là những bộ phận cấu thành và không thể tách rời của hợp đồng bảo hiểm.

Công ty bảo hiểm là Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (Bảo Minh)

Lương cơ bản là số tiền mà Người lao động nhận được theo bảng lương ký nhận hàng tháng, và đã được kê khai trong Danh sách người lao động, không bao gồm các khoản: làm ngoài giờ, tiền thưởng, cơm trưa, công tác phí ...vv.

Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho Người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động mà Người được bảo hiểm giao, xảy ra:

- trong giờ làm việc, tại nơi làm việc kể cả làm việc ngoài giờ do yêu cầu của Người được bảo hiểm.
- ngoài nơi làm việc khi thực hiện công tác theo yêu cầu của Người được bảo hiểm.
- trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc.

Bệnh nghề nghiệp Là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động lên người lao động, gồm có các bệnh sau:

1. Nhiễm độc chì và các hợp chất chì.
2. Nhiễm độc Benzen và các đồng đẳng.
3. Nhiễm độc thủy ngân và các hợp chất thủy ngân.
4. Bụi phổi do Silic.
5. Bụi phổi do Amiăng
6. Nhiễm độc Mangan và các hợp chất của Mangan
7. Nhiễm các tia phóng xạ và tia X
8. Bệnh điếc nghề nghiệp do tiếng ồn
9. Loét da, loét vách ngăn mũi, viêm da, chàm tiếp xúc
10. Bệnh xam da
11. Bệnh rung chuyển nghề nghiệp
12. Bệnh bụi phổi bông
13. Bệnh lao nghề nghiệp
14. Bệnh viêm gan do Virut nghề nghiệp
15. Bệnh Leptospira nghề nghiệp
16. Bệnh nhiễm độc TNT (Trinitrotoluen)
17. Bệnh nhiễm độc Asen và các hợp chất Asen nghề nghiệp
18. Bệnh nhiễm độc Nicotin nghề nghiệp
19. Bệnh nhiễm độc hóa chất trừ sâu nghề nghiệp
20. Bệnh giảm áp nghề nghiệp
21. Bệnh viêm phế quản mạn tính nghề nghiệp

III. PHẠM VI BẢO HIỂM

Công ty bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp Người lao động chết, bị thương tật tạm thời hoặc vĩnh viễn gây ra bởi tai nạn lao động hay bệnh nghề nghiệp xảy ra trong quá trình làm việc, bao gồm:

1. Chi phí y tế: giới hạn bởi số tiền bảo hiểm ghi trong phụ lục hợp đồng bảo hiểm.
2. Tiền lương trong thời gian điều trị y tế: giới hạn bởi số tiền tính trên số lương tháng mà Người được bảo hiểm lựa chọn và được ghi trên phụ lục hợp đồng bảo hiểm.

3. Trường hợp chết hoặc thương tật thân thể từ 81% trở lên: trả 30 tháng lương hoặc nhiều hơn tùy theo sự lựa chọn của Người được bảo hiểm và được ghi trên phụ lục hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp do lỗi của Người lao động (không thuộc nội dung CHƯƠNG IV. NHỮNG LOẠI TRỪ); trả một khoản tiền trợ cấp bằng 12 tháng lương.
4. Trường hợp thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn, Công ty bảo hiểm trả bồi thường theo Bảng tỷ lệ thương tật đính kèm, trường hợp Người lao động bị suy giảm sức lao động vĩnh viễn do bệnh nghề nghiệp Công ty bảo hiểm trả bồi thường theo tỷ lệ suy giảm được Hội đồng giám định y khoa chứng nhận.

IV. NHỮNG LOẠI TRỪ

Công ty bảo hiểm không chịu trách nhiệm bồi thường đối với:

- a. trách nhiệm của Người được bảo hiểm đối với Người lao động theo một thỏa thuận ngoài trách nhiệm quy định trong Luật lao động;
- b. trách nhiệm của Người được bảo hiểm đối với Người lao động của Chủ thầu độc lập do Người được bảo hiểm sử dụng;
- c. bất cứ người làm thuê nào của Người được bảo hiểm không phải là Người lao động theo quy định của Luật lao động;
- d. bất cứ trách nhiệm nào mà Người được bảo hiểm có quyền đòi bồi thường một bên nào nếu không có thỏa thuận giữa Người được bảo hiểm và bên đó;
- e. chết, thương tật thân thể hoặc bệnh tật gây ra do chiến tranh xâm lược, hành động của kẻ thù hoặc các hoạt động chiến tranh (dù có tuyên chiến hay không), nội chiến, bạo động, giải phóng, khởi nghĩa, nổi dậy của lực lượng quân đội hay lực lượng tiềm quyền;
- f. bất cứ trách nhiệm trực tiếp hay gián tiếp nào gây ra hoặc tham gia bởi hoặc phát sinh từ:
 - vũ khí hạt nhân
 - chất phóng xạ hoặc ô nhiễm phóng xạ bởi bất cứ nguyên liệu hạt nhân nào hay từ chất thải hạt nhân do việc đốt cháy nguyên liệu hạt nhân. Sự đốt cháy sẽ bao gồm các quá trình phân rã hạt nhân.
- g. bất cứ trách nhiệm phát sinh trực tiếp hay gián tiếp gây ra từ việc sản xuất, cung cấp, xử lý hay chế biến chất Amiăng hay các sản phẩm liên quan đến chất Amiăng;
- h. Người lao động làm thuê cho Người được bảo hiểm bị ảnh hưởng trực tiếp của rượu bia, chất kích thích, các loại dược liệu không theo chỉ dẫn của bác sĩ trừ khi Người được bảo hiểm phải chịu trách nhiệm theo quyết định của chức trách thẩm quyền hoặc phán quyết của Tòa án;
- i. Người lao động vi phạm nghiêm trọng pháp luật, nội quy, quy định của chính quyền địa phương, vi phạm nghiêm trọng luật lệ an toàn giao thông như: sử dụng phương tiện đi lại không an toàn, điều khiển xe không có bằng lái theo quy định...
.vv.

- j. chết, thương tật gây ra do tự hủy hoại mình hoặc tự làm trầm trọng thêm tổn thương thân thể;
- k. chết, thương tật do tai nạn và bệnh nghề nghiệp xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam;
- l. chết, thương tật do đánh nhau mà không phải là do tự vệ hay cứu người, tài sản;

V. CÁC ĐIỀU KIỆN

1. Bất kỳ từ ngữ hoặc thành ngữ nào đã có một nghĩa trong bất cứ phần nào thuộc Hợp đồng bảo hiểm thì sẽ giữ mãi nghĩa đó trong Hợp đồng bảo hiểm.
2. Người được bảo hiểm phải tuân thủ thi hành, thực hiện những điều kiện, điều khoản của Quy tắc bảo hiểm này trong phạm vi luật pháp quy định.
3. Sự trung thực trong lời khai và các câu trả lời trong Giấy yêu cầu bảo hiểm sẽ là điều kiện tiên quyết để Công ty bảo hiểm bồi thường theo Quy tắc bảo hiểm này và là cơ sở của Hợp đồng Bảo hiểm.
4. Mọi khai báo hay thông tin theo quy định của Quy tắc bảo hiểm này phải được lập bằng văn bản.
5. Người được bảo hiểm có trách nhiệm tiến hành mọi biện pháp thích hợp để ngăn ngừa tai nạn và bệnh nghề nghiệp đối với Người lao động của mình và thực hiện tất cả các nghĩa vụ và yêu cầu theo quy định của luật pháp.
- 6.a. Trong trường hợp Người lao động bị tai nạn hay phát hiện thấy bệnh nghề nghiệp có thể dẫn đến khiếu nại theo Quy tắc bảo hiểm này thì Người được bảo hiểm phải thông báo cho Công ty bảo hiểm đầy đủ về tai nạn hay bệnh nghề nghiệp đó trong vòng 72 giờ kể từ khi bị tai nạn hay phát hiện ra bệnh nghề nghiệp.
- 6.b. Mọi thư, khiếu nại, lệnh trát và kiện cáo phải khai báo hay gửi trực tiếp cho Công ty bảo hiểm ngay khi nhận được, và đồng thời cũng phải khai báo cho Công ty bảo hiểm ngay khi Người được bảo hiểm biết có dự định khởi tố, điều tra, tìm hiểu vụ chết người liên quan đến tai nạn hay bệnh nghề nghiệp ấy.
7. Người được bảo hiểm hay người khác nhân danh Người được bảo hiểm không được tự ý hứa hẹn hoặc trả tiền bồi thường nếu chưa được Công ty bảo hiểm đồng ý bằng văn bản. Công ty bảo hiểm có quyền tiếp thụ quyền hành để thực hiện nhân danh Người được bảo hiểm việc bào chữa hay giải quyết mọi khiếu nại đòi bồi thường và có hoàn toàn quyền tự quyết trong mọi tố tụng, mọi giải quyết tổn thất. Người được bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp những thông tin và hỗ trợ Công ty bảo hiểm khi có yêu cầu.
8. Nếu bản chất kinh doanh hoạt động của Người được bảo hiểm ghi trong Phụ lục có sự thay đổi dẫn đến việc gia tăng rủi ro về tai nạn hay bệnh nghề nghiệp đối với Người lao động làm việc cho Người được bảo hiểm thì Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực trừ khi Người được bảo hiểm thông báo cho Công ty bảo hiểm về sự thay đổi đó trước khi có tai nạn hoặc phát hiện ra bệnh nghề nghiệp và phải được sự đồng ý của Công ty bảo hiểm bằng văn bản.
9. Công ty bảo hiểm có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm bằng cách thông báo cho Người được bảo hiểm trước 7 ngày bằng thư bảo đảm tới địa chỉ cuối cùng được

biết và trong trường hợp này, Công ty bảo hiểm sẽ hoàn lại cho Người được bảo hiểm số phí sau khi trừ đi phí bảo hiểm cho thời hạn đã bảo hiểm nhưng phí tối thiểu mà Người được bảo hiểm phải chịu là 500.000đ (năm trăm ngàn đồng chẵn).

Người được bảo hiểm cũng có thể chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm bằng cách thông báo chính thức bằng văn bản cho Công ty bảo hiểm trước 7 ngày. Công ty bảo hiểm sẽ hoàn lại số phí của thời gian còn lại sau khi trừ đi phí bảo hiểm cho thời hạn đã bảo hiểm nhưng mức phí tối thiểu mà người được bảo hiểm phải chịu là 500.000đ (năm trăm ngàn đồng chẵn) và với điều kiện cho đến thời điểm đó Hợp đồng bảo hiểm chưa có lần nào được Công ty bảo hiểm chấp nhận trả tiền bảo hiểm.

10. Nếu bệnh hay thương tật đã có từ trước tai nạn hay xảy ra sau tai nạn nhưng không cùng nguyên nhân làm hậu quả tai nạn hay bệnh tật trầm trọng hơn thì Công ty bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm về hậu quả có thể có của tai nạn hay bệnh tật như là không bị trầm trọng hơn vì bệnh hay thương tật ấy.
11. Bất cứ lúc nào sau khi xảy ra tai nạn hoặc bệnh nghề nghiệp dẫn đến khiếu nại theo Hợp đồng bảo hiểm, Công ty bảo hiểm có thể thanh toán cho Người được bảo hiểm toàn bộ số tiền bảo hiểm thuộc trách nhiệm của Công ty bảo hiểm và Công ty bảo hiểm từ bỏ quyền điều hành bào chữa và tố tụng về mọi khiếu nại, và Công ty bảo hiểm sẽ không có trách nhiệm đối với bất kỳ một tổn thất hay khiếu nại hay trách nhiệm nào được cho là gây ra cho Người được bảo hiểm bởi hậu quả của hành động hay khiếm khuyết của Công ty bảo hiểm liên quan đến việc bào chữa hay tố tụng về các khiếu nại ấy hay của việc Công ty bảo hiểm từ bỏ việc điều hành ấy, và Công ty bảo hiểm cũng không có trách nhiệm về mọi phí tổn, chi phí mà Người được bảo hiểm hay bên nào khác phải chi trả sau khi Công ty bảo hiểm đã từ bỏ quyền điều hành ấy.
12. Bảo hiểm trùng: nếu vào thời điểm khiếu nại phát sinh theo Hợp đồng bảo hiểm có một Hợp đồng bảo hiểm khác bảo hiểm cùng một trách nhiệm, Công ty bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm trả hoặc đóng góp nhiều hơn phần tỷ lệ tương ứng phải chịu cho khiếu nại đó.
13. Điều chỉnh phí bảo hiểm và thông báo lương
 - i. Phí bảo hiểm được tính trên cơ sở tổng quỹ lương cơ bản mà Người được bảo hiểm phải trả cho mỗi người lao động trong quá trình làm việc thuộc thời hạn hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm.
 - ii. Nếu tổng quỹ lương cơ bản mà Người được bảo hiểm trả cho người lao động trong thời hạn bảo hiểm khác với tổng số tiền mà phí bảo hiểm được tính khi ký Hợp đồng bảo hiểm, phần chênh lệch sẽ được trả thêm cho Công ty bảo hiểm hoặc hoàn lại cho Người được bảo hiểm. Trong mọi trường hợp phí tối thiểu Người được bảo hiểm phải chịu là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng chẵn).
 - iii. Người được bảo hiểm phải lưu giữ toàn bộ hồ sơ, sổ sách ghi chép chi tiết liên quan đến từng Người lao động trong quá trình làm thuê cùng toàn bộ số tiền lương mà Người được bảo hiểm phải trả trong thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm và Người được bảo hiểm cho phép Công ty bảo hiểm kiểm tra hồ sơ sổ sách đó khi Công ty bảo hiểm yêu cầu.

- iv. Người được bảo hiểm phải cung cấp cho Công ty bảo hiểm bản kết toán toàn bộ tiền lương của từng Người lao động trong quá trình làm việc trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm và trong trường hợp Người được bảo hiểm là một doanh nghiệp, bản kết toán của doanh nghiệp phải được xác nhận bởi kế toán viên có thẩm quyền. Nếu Người được bảo hiểm không phải là doanh nghiệp thì tiền lương của người lao động phải do người có đủ thẩm quyền của Người được bảo hiểm kê khai và xác nhận là đúng.
14. Cam kết: người được bảo hiểm cam kết rằng trong trường hợp Người được bảo hiểm không thực hiện đúng những điểm quy định theo Quy tắc bảo hiểm này thì Người được bảo hiểm phải hoàn lại cho Công ty bảo hiểm toàn bộ số tiền mà Công ty bảo hiểm đã trả.
15. Tăng, giảm số lượng người lao động và thay đổi lương
- i. Tất cả những người lao động mới của Người được bảo hiểm sẽ tự động được bảo hiểm kể từ khi bắt đầu làm việc. Người được bảo hiểm có trách nhiệm phải thông báo cho Công ty bảo hiểm bằng văn bản bất cứ sự thay đổi nào về người lao động trong vòng 60 ngày.
- Nếu số lượng Người lao động tăng hay giảm trên 25% số lượng Người lao động hiện có thì phí bảo hiểm sẽ được điều chỉnh bổ sung ngay vào thời điểm đó.
 - Nếu số lượng Người lao động tăng hay giảm dưới 25% số lượng Người lao động có đăng ký bảo hiểm thì phí bảo hiểm sẽ được điều chỉnh vào cuối thời gian bảo hiểm hoặc cuối kỳ đóng phí (trường hợp đóng phí làm nhiều kỳ) và sẽ được thanh toán vào thời điểm đó.
- ii. Nếu có sự thay đổi về tiền lương của Người lao động thì sẽ tự động được bảo hiểm kể từ ngày có sự thay đổi. Người được bảo hiểm phải có trách nhiệm thông báo mọi sự thay đổi về tiền lương của Người lao động cho Công ty bảo hiểm trong vòng 60 ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó. Nếu quá thời hạn 60 ngày mà Người được bảo hiểm không thông báo về những thay đổi đó thì Công ty bảo hiểm chỉ bồi thường theo như mức lương của Người lao động đã được thể hiện trên Hợp đồng bảo hiểm. Việc điều chỉnh phí được tiến hành vào cuối thời hạn bảo hiểm.
16. Bồi thường cho Người lao động: số tiền bồi thường được tính trên cơ sở lương cơ bản của người lao động vào thời điểm xảy ra tai nạn hay bệnh nghề nghiệp và được chi phối bởi mục 13 và 15 chương V của Quy tắc bảo hiểm này khi áp dụng.
17. Thế quyền: người được bảo hiểm phải hành động và cho phép Công ty bảo hiểm hành động theo yêu cầu cần thiết hay hợp lý của Công ty bảo hiểm nhằm mục đích thực hiện các quyền hạn, biện pháp hay yêu cầu trợ giúp đòi bồi thường từ người khác và Công ty bảo hiểm có quyền hay được thế nhiệm sau khi thanh toán hay bồi thường chết, thương tật hoặc bệnh nghề nghiệp theo Hợp đồng bảo hiểm dù các hành vi ấy là cần thiết hay được yêu cầu dù trước hay sau khi Công ty bảo hiểm bồi thường.
18. Trong trường hợp có sự bất đồng ý kiến giữa Công ty bảo hiểm và Người được bảo hiểm hay người được hưởng quyền lợi bảo hiểm về hậu quả cuối cùng có liên quan đến tai nạn hay bệnh nghề nghiệp thì mỗi bên sẽ tự chịu mọi chi phí chi định

bác sĩ cho mình. Bác sĩ do các bên chỉ định sẽ cố gắng thống nhất với nhau về hậu quả của tai nạn hay bệnh nghề nghiệp đó. Trường hợp các Bác sĩ do các bên chỉ định không thống nhất được với nhau thì sẽ chỉ định bác sĩ thứ ba và quyết định của đa số sẽ là quyết định cuối cùng. Trường hợp một trong các bên quên hoặc từ chối chỉ định Bác sĩ cho mình, hoặc nếu các Bác sĩ do các bên chỉ định không thống nhất với nhau việc chỉ định ra Bác sĩ thứ ba thì trong trường hợp đó, Bác sĩ thứ ba sẽ do thẩm phán có thẩm quyền tại nơi xảy ra tai nạn hoặc bệnh nghề nghiệp hoặc nơi cư trú của người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm chỉ định.

19. Trách nhiệm khai báo: người được bảo hiểm phải khai báo đầy đủ và thành thật cho Công ty bảo hiểm tất cả những thông tin mà Người được bảo hiểm biết hoặc phải biết. Nếu không, Người được bảo hiểm sẽ không nhận được bất kỳ một quyền lợi nào theo Quy tắc bảo hiểm này.

BẢNG TỶ LỆ BỒI THƯỜNG

A. BẢNG TỶ LỆ THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

CHẾT.....100%

THƯƠNG TẬT HOÀN TOÀN

1. Mù hoàn toàn và không thể phục hồi được cả hai mắt.....100%
2. Rối loạn tâm thần hoàn toàn và không thể chữa được.....100%
3. Mất hai tay hoặc hai chân.....100%
4. Điếc hoàn toàn 2 tai.....100%
5. Cắt bỏ hàm dưới100%
6. Câm.....100%
7. Mất một cánh tay và một bàn chân, hoặc mất một cánh tay hoặc một cẳng chân hoặc một bàn tay và một cẳng chân hoặc một bàn tay và một bàn chân....100%
8. Mất hai cẳng chân hoặc hai bàn chân.....100%

THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN

ĐẦU

9. Mất một phần xương sọ với toàn bộ bề dày của xương
 - a. Mất với diện tích ít nhất là 6 cm².....40%
 - b. Mất với diện tích từ 3-6 cm².....20%
10. Cắt bỏ một phần hàm dưới, một cạnh lên, cắt bỏ toàn bộ hoặc một nửa thân hàm trên.....40%
11. Mất một mắt.....40%
12. Điếc hoàn toàn một tai.....30%

THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN

CHI TRÊN

- | | Phải | Trái |
|---|------|------|
| 13. Mất một cánh tay hay một bàn tay..... | 60% | 50% |
| 14. Mất phần xương chủ yếu của phần trên cánh tay (thương tật vĩnh viễn và không có khả năng chữa lành)..... | 50% | 40% |
| 15. Liệt hoàn toàn cánh tay trên (tổn thương các dây thần kinh không có khả năng chữa lành)..... | 65% | 55% |
| 16. Liệt hoàn toàn dây thần kinh mũ..... | 20% | 15% |
| 17. Đỉnh khớp bả vai..... | 40% | 30% |
| 18. Đỉnh khớp khuỷu tay <ol style="list-style-type: none">a. ở vị trí thuận lợi, 15° xung quanh góc vuông.....b. ở vị trí không thuận lợi..... | 25% | 20% |
| 19. Mất phần xương chủ yếu của 2 xương cẳng tay (thương tổn vĩnh viễn không còn khả năng chữa lành)..... | 40% | 30% |
| 20. Liệt hoàn toàn dây thần kinh giữa..... | 45% | 35% |
| 21. Liệt hoàn toàn dây thần kinh quay (ở rãnh xoắn)..... | 40% | 35% |
| 22. Liệt hoàn toàn dây thần kinh quay ở cẳng tay..... | 30% | 25% |
| 23. Liệt hoàn toàn dây thần kinh quay ở bàn tay..... | 20% | 15% |
| 24. Liệt hoàn toàn dây thần kinh trụ..... | 30% | 25% |
| 25. Đỉnh khớp cổ tay ở vị trí thuận lợi (tư thế thẳng và sấp)..... | 20% | 15% |

26. Dính khớp cổ tay ở vị trí không thuận lợi (gấp quá hoặc duỗi ngửa).....	30%
.....	25%
27. Mất hoàn toàn ngón cái.....	20%..... 15%
28. Cụt toàn bộ ngón trở.....	15%..... 15%
29. Cụt đồng thời ngón cái và ngón trở.....	35%..... 25%
30. Cụt ngón cái và 1 ngón khác ngoài ngón trở.....	25%..... 20%
31. Cụt 3 ngón bao gồm cả ngón cái.....	35%..... 30%
32. Cụt 3 ngón trừ ngón cái và ngón trở.....	20%..... 15%
33. Cụt 4 ngón trong đó có ngón cái.....	45%..... 40%
34. Cụt 4 ngón trong đó còn ngón cái.....	40%..... 35%
35. Cụt 1 ngón không phải là ngón cái hay ngón trở.....	10%..... 05%

Khi tính toán tỷ lệ bồi thường, nếu nạn nhân thuận tay trái thì bản tính toán tỷ lệ sẽ được áp dụng ngược lại, tức là đổi phần tỷ lệ cho tay phải sang tay trái và ngược lại.

CHI DƯỚI

36. Cụt một đùi (phần trên).....	60%
37. Cụt một đùi (phần dưới).....	50%
38. Mất hoàn toàn một bàn chân (tháo khớp chày, cổ chân).....	45%
39. Mất một phần bàn chân (tháo khớp dưới lên).....	40%
40. Mất một bàn chân (tháo khớp giữa cổ chân).....	35%
41. Mất một phần bàn chân (tháo khớp cổ bàn chân).....	30%
42. Liệt hoàn toàn một chi dưới (thương tổn thần kinh không có khả năng chữa lành).....	60%
43. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài.....	30%
44. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong.....	20%
45. Liệt hoàn toàn 2 dây thần kinh (hông, hông khoeo ngoài và hông khoeo trong).....	40%
46. Dính khớp cẳng.....	40%
47. Dính khớp đầu gối.....	20%
48. Mất phần lớn xương đùi hay phần lớn 2 xương chân (không có khả năng chữa lành).....	60%
49. Mất phần lớn của xương bánh chè, bị vỡ thành nhiều mảnh và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi.....	40%
50. Mất phần lớn xương bánh chè nhưng vẫn có khả năng vận động chi.	20%
51. Ngắn chi dưới ít nhất 5 cm.....	30%
52. Ngắn chi dưới từ 3-5 cm.....	20%
53. Cụt hoàn toàn 4 ngón chân trong đó có ngón cái.....	20%
54. Cụt 2 ngón bao gồm cả ngón cái.....	10%
55. Cụt 1 ngón cái.....	05%

Trường hợp bị dính khớp các ngón tay (trừ ngón cái và ngón trở) và dính khớp các ngón chân (trừ ngón cái) thì số tiền bồi thường chỉ bằng 50% tiền bồi thường quy định trong trường hợp bị cụt (mất).

Những trường hợp thương tật không liệt kê trong bảng danh mục này sẽ được bồi thường theo tỷ lệ trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với những trường hợp khác có nêu trong bảng danh mục này và không xét đến nghề nghiệp của nạn nhân.

Chức năng của một chi hay một phần coi là bị mất hoàn toàn và tuyệt đối khi nó bị cắt rời ra.

Trong trường hợp nạn nhân trước khi xảy ra tai nạn chỉ có một mắt và bị mất mắt còn lại thì được coi là tàn phế 100% thay cho 40% theo như bảng danh mục này quy định.

Chi bồi thường những trường hợp thương tật một phần vĩnh viễn từ 5% trở lên.

B. MẤT KHẢ NĂNG LAO ĐỘNG TẠM THỜI (LƯƠNG TRONG THỜI GIAN ĐIỀU TRỊ)

Trong trường hợp Người lao động bị mất khả năng lao động tạm thời do hậu quả của tai nạn hoặc bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này thì nạn nhân sẽ được bồi thường cho mất khả năng lao động tạm thời đó dựa trên cơ sở 100% lương cơ bản tại thời điểm bị tai bệnh nghề nghiệp trong vòng 12 tháng (hoặc được liệt kê trong Phụ lục Hợp đồng bảo hiểm). Số tiền bồi thường theo ngày (bao gồm cả ngày chủ nhật và ngày lễ) sẽ được tính toán như sau:

Lương cơ bản của một tháng (trừ tiền làm thêm ngoài giờ, tiền thưởng) *
số ngày điều trị

30 ngày

Việc bồi thường như vậy sẽ chấm dứt khi nạn nhân được Bác sĩ tuyên bố là nạn nhân phục hồi sức khỏe và có thể tiếp tục công việc dù tổn thương đã hoàn toàn khỏi hay chưa.

Người thừa hưởng quyền lợi bảo hiểm có thể tranh chấp và đưa ra toà án xem xét bất cứ quyết định nào của bác sĩ do Công ty bảo hiểm chỉ định về việc xác định mức độ mất khả năng lao động tạm thời theo như quy định của Mục 18 chương V của Hợp đồng bảo hiểm này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TS. TRẦN VINH ĐỨC

BIỂU PHÍ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1579/2004-BM/BHCN ngày 12/11/2004)

1. Chi phí thuốc men - Phí bảo hiểm (VND)

Giới hạn trách nhiệm / Loại nghề nghiệp	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
10.000.000	190.000	240.000	300.000	370.000
20.000.000	240.000	290.000	370.500	430.500
30.000.000	280.000	340.000	430.000	500.000
40.000.000	310.000	380.500	470.000	550.000
50.000.000	330.500	410.500	500.000	580.000
100.000.000	660.000	820.000	1.000.000	1.200.000

2. Lương trong thời gian điều trị - tỷ lệ phí

Loại nghề nghiệp / thời hạn trả lương	6 tháng	12 tháng	18 tháng
Loại 1	0,47%	0,61%	0,69%
Loại 2	0,57%	0,73%	0,85%
Loại 3	0,67%	0,83%	0,99%
Loại 4	0,79%	1,01%	1,18%

3. Chết và thương tật vĩnh viễn - Tỷ lệ phí

Loại nghề nghiệp	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Tỷ lệ phí	0,14%	0,16%	0,18%	0,20%

4. Phân loại nghề nghiệp

Loại 1: Lao động gián tiếp, làm việc chủ yếu trong văn phòng, bàn giấy hoặc những công việc tương tự ít đi lại khác. Ví dụ: kế toán, nhân viên ngân hàng, bác sĩ, thư ký văn phòng...

Loại 2: Nghề nghiệp không phải lao động chân tay nhưng có mức độ rủi ro cao hơn loại 1, đòi hỏi phải đi lại nhiều hoặc bao gồm cả lao động chân tay nhưng không thường xuyên và lao động chân tay nhẹ. Ví dụ: kỹ sư dân dụng, cán bộ quản lý thường xuyên đến công trường, người đi chào hàng, thợ cắt tóc, giữ kho...

Loại 3: Những nghề nghiệp mà công việc chủ yếu là lao động chân tay và những công việc có mức độ rủi ro cao hơn loại 2. Ví dụ: kỹ sư cơ khí, kỹ sư điện, công nhân ngành điện sử dụng các thiết bị điện, thợ may, người trang trí nội thất...

Loại 4: Những nghề nghiệp nguy hiểm dễ xảy ra tai nạn và không được quy định ở ba loại trên, cụ thể: thủy thủ, thuyền viên, công nhân làm việc trên giàn khoan dầu khí, công nhân làm việc trong hầm mỏ, thợ lặn...

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



T.S. TRẦN VĂN ĐỨC